TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: - Bà **Nguyễn Thùy V**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Trần Thị Th**

- Ông **Dương Văn Nh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị H** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dư, tỉnh Lâm Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Th -** Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2023/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đạ Sr, huyện Lạc Dg, tỉnh Lâm Đ. *(Có đơn xin vắng mặt)*

- *Bị đơn*: Anh Cao Văn T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đạ S, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. *(Có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Cao Văn T kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Sr, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở tìm hiểu nhau. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không chia sẽ trong tất cả các cuộc nói chuyện, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng tình trạng không cải thiện. Từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến ai. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Cao Nguyễn Anh Th, sinh ngày 26/01/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng với anh Cao Văn T nên khi ly hôn chị H đồng ý giao con chung cho anh Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị H không còn yêu cầu gì khác.

2. Tại bản tự khai của bị đơn anh Cao Văn T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Hương kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Sr, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. Hôn nhân tự nguyện dựa trên cơ sở tìm hiểu nhau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong làm ăn kinh tế, bất đồng vì tiền. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì anh T là người theo đạo công giáo khi đã kết hôn thì không được ly hôn do vậy khi chị H có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Cao Văn T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Cao Nguyễn Anh Th, sinh ngày 26/01/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng với anh nên khi ly hôn anh Cao Văn T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra anh Cao Văn T không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào các ngày 26/6/2023, ngày 07/07/2023 nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T được ly hôn. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Cao Nguyễn Anh Th, sinh ngày 26/01/2017. Giao con chung cho anh Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, giao dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị H và anh T xác định không có nên không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: Chị H và anh T xác định không có nên cũng không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T. Chị H và anh T đều có nơi cư trú tại thôn 1, xã Đạ Sr, huyện Lạc Dg, tỉnh Lâm Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Cao Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt chị Hương, anh Toàn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hg và anh Cao Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2016 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Sr, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định không còn tình cảm với anh T do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nên chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Phía anh T cũng xác định đến nay vợ chồng không còn tình cảm tuy nhiên anh T là người theo đạo công giáo khi đã kết hôn thì không được ly hôn do vậy anh T không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng chị H, anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2020 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong làm ăn kinh tế, vì tiền bạc, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không chia sẽ trong tất cả các cuộc nói chuyện, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện để tìm cách khắc phục nhưng tình trạng không cải thiện. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Qua xác minh tại địa phương: vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không còn khả năng cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T có một con chung là Cao Nguyễn Anh Th, sinh ngày: 26/01/2017. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Hương vẫn giữ nguyên ý kiến đồng ý giao con chung cho anh Cao Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Th đến khi cháu Thy đủ 18 tuổi vì hiện nay cháu Th đang sống cùng với anh T, chị H hiện đang ở trọ nên khó khăn

về điều kiện chỗ ở. Tại bản tự khai của anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Th đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Cao Nguyễn Anh Th, sinh ngày: 26/01/2017 cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Cao Nguyễn Anh Th, sinh ngày: 26/01/2017 cho anh Cao Văn T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hương đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000980 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc D. Chị H đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương (03)
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- UBND xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy V

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuyên **Dương Văn Nhuận** **Nguyễn Thùy Vinh**